Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8513.90.90

Mã HS	8513.90.90
Mô tả hàng hóa	Đèn điện xách tay được thiết kế để hoạt động bằng nguồn năng lượng riêng của nó (ví dụ, pin khô, ắc qui, magneto), trừ thiết bị chiếu sáng thuộc nhóm 85.12 / - Bộ phận: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 21:52:27
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85139090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15245
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15245
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15245
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E14550
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14491
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14491
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14491
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14491
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14491
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14491
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E14545
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F14545

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G14545
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H14545
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I14545
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J14545
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E14546
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F14546
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G14546
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H14546
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I14546
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J14546
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F14549
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14497
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F14505
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G14505
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H14505
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I14505
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J14505
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K14505
VKFTA	2022	2022	0	VK!E14536
VKFTA	2023	2023	0	VK!F14536
VKFTA	2024	2024	0	VK!G14536
VKFTA	2025	2025	0	VK!H14536
VKFTA	2026	2026	0	VK!I14536
VKFTA	2027	2027	0	VK!J14536
VCFTA	2022	2022	4	VC!D14591
VCFTA	2023	2023	2	VC!E14591

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F14591
VCFTA	2025	2025	0	VC!G14591
VCFTA	2026	2026	0	VC!H14591
VCFTA	2027	2027	0	VC!I14591
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D14568
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E14568
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F14568
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G14568
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H14568
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I14568
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D14568
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E14568
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F14568
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G14568
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H14568
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I14568
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D14583
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E14583
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F14583
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G14583
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H14583
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I14583
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D14582
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E14582
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F14582
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G14582

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H14582
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I14582
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D14575
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E14575
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F14575
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G14575
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H14575
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I14575
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J14575
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D14570
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E14570
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F14570
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G14570
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H14570
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I14570
RCEP B	2022	2022	0	B!D14570
RCEP B	2023	2023	0	B!E14570
RCEP B	2024	2024	0	B!F14570
RCEP B	2025	2025	0	B!G14570
RCEP B	2026	2026	0	B!H14570
RCEP B	2027	2027	0	B!I14570
RCEP C	2022	2022	0	C!D14570
RCEP C	2023	2023	0	C!E14570
RCEP C	2024	2024	0	C!F14570
RCEP C	2025	2025	0	C!G14570
RCEP C	2026	2026	0	C!H14570

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I14570
RCEP D	2022	2022	0	D!D14569
RCEP D	2023	2023	0	D!E14569
RCEP D	2024	2024	0	D!F14569
RCEP D	2025	2025	0	D!G14569
RCEP D	2026	2026	0	D!H14569
RCEP D	2027	2027	0	D!I14569
RCEP E	2022	2022	0	E!D14573
RCEP E	2023	2023	0	E!E14573
RCEP E	2024	2024	0	E!F14573
RCEP E	2025	2025	0	E!G14573
RCEP E	2026	2026	0	E!H14573
RCEP E	2027	2027	0	E!I14573
RCEP F	2022	2022	0	F!D14570
RCEP F	2023	2023	0	F!E14570
RCEP F	2024	2024	0	F!F14570
RCEP F	2025	2025	0	F!G14570
RCEP F	2026	2026	0	F!H14570
RCEP F	2027	2027	0	F!I14570
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F13559
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G13559
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H13559
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I13559

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8513.90 có 3 dòng thuế; dòng 8513.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	8513.90.10 Của đèn gắn trên mũ thợ mỏ hoặc của đèn thợ khai thác đá; 8513.90.30 Bộ phản quang của đèn chớp; chi tiết trượt (gạt) bằng plastic dùng cho cơ cấu công tắc đèn chớp	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8513.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 8513.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15245), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.